

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BA ĐỒN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 27 - 3 - 2025

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Anh Đức

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Xuân Vinh và Bà Trần Thị Ngọc Lan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Lực - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 95/2024/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2024, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị H, sinh năm: 1999; nơi cư trú: Tổ dân phố H, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn V, sinh năm: 1993; nơi cư trú: Tổ dân phố E, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn, quá trình tố tụng tại Tòa án và Đơn xin giải quyết vắng mặt, nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn V kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình vào ngày 06 tháng 7 năm 2017. Sau kết hôn, sống chung được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, căng thẳng và áp lực trong cuộc sống nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Mặc dù hai bên đã cố gắng thay đổi nhưng không có tiến triển. Vì không sống chung được nên vợ chồng đã ly thân nhau vào cuối năm 2018, từ đó đến nay

không còn liên lạc hay quan tâm gì đến nhau nữa. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, sống ly thân nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Nguyễn Văn V.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Nguyễn Trúc L, sinh ngày 09 tháng 3 năm 2018. Nguyên vọng của chị sau ly hôn là được nuôi con, yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Nguyễn Văn V:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án; các lần Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Giấy triệu tập để anh V tham gia tố tụng nhưng anh V không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Tòa án tiến hành xác minh, kết quả xác minh như sau:

Tại Công an phường Q, thị xã B xác định: “Công dân Nguyễn Văn V, sinh năm 1993; có căn cước công dân số 0440930133136; đăng ký cư trú tại tổ dân phố E, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; hiện có mặt, sinh sống tại địa phương”.

Tại Ủy ban nhân dân phường Q, thị xã B xác định: “Ủy ban nhân dân phường đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Giấy triệu tập các lần đến hòa giải tại Tòa án. Sau khi nhận được các văn bản trên, đã cử cán bộ tổng đạt trực tiếp cho anh Nguyễn Văn V. Lý do anh V vắng mặt tại các buổi làm việc theo triệu tập của Tòa án thì Ủy ban nhân dân phường không rõ”.

Toà án Quyết định đưa vụ án ra xét xử, triệu tập đương sự đến phiên toà nhưng anh V vắng mặt nên hoãn phiên tòa. Toà án mở phiên tòa lần hai, tiếp tục triệu tập anh V đến tham gia phiên tòa nhưng anh V vẫn vắng mặt, các lần mở phiên tòa đã được Tòa án triệu tập và niêm yết hợp lệ.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình, có Đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn không thực hiện nghĩa vụ, vắng mặt không có lý do. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các khoản 1, 2 Điều 227; các khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Phạm Thị H. Căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và Gia đình giao con chung Nguyễn

Trúc L, sinh ngày 09 tháng 3 năm 2018 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; buộc anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với số tiền 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu L tròn 18 tuổi. Đối với tài sản chung, nợ chung: chị H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Buộc chị H phải chịu án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm, anh V chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp: Chị Phạm Thị H có đơn yêu cầu xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Nguyễn Văn V, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Nguyễn Văn V có đăng ký cư trú tại thị xã B, tỉnh Quảng Bình; căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Phạm Thị H có Đơn xin giải quyết vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt; bị đơn anh Nguyễn Văn V vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Văn V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Cơ quan có thẩm quyền nên quan hệ hôn nhân của hai người được xác định là hoàn toàn hợp pháp theo quy định tại các Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Quá trình giải quyết vụ án, chị H thừa nhận cuộc sống chung trong thời kỳ hôn nhân xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, ly thân nhau đã lâu. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh V. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị H và anh V bắt nguồn từ việc vợ chồng chung sống nhưng không hạnh phúc, xảy ra nhiều mâu thuẫn, sống ly thân nhau. Chứng tỏ cuộc sống hôn nhân của chị H và anh V không còn hạnh phúc, không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, anh V vắng mặt, không thể hiện có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của chị H, không có bất cứ động thái hay biện pháp nào để níu kéo,

cứu vãn cuộc hôn nhân này. Hội đồng xét xử xét thấy cần cho ly hôn để hai bên sớm ổn định cuộc sống. Căn cứ Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, xét cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn để xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn V.

[2.2] Về quan hệ con chung: Anh, chị có 01 con chung là Nguyễn Trúc L, sinh ngày 09 tháng 3 năm 2018. Chị H có nguyện vọng được nuôi con sau khi ly hôn, yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi số tiền 1.000.000 đồng/tháng.

[2.2.1] Xét yêu cầu nuôi con chung của chị Phạm Thị H: Hội đồng xét xử xét thấy, theo trình bày của chị H, từ khi vợ chồng sống ly thân vào tháng 10 năm 2018, anh V không thăm nom chăm sóc con, không thực hiện quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con cái, không có ý kiến hay yêu cầu về việc nuôi con. Do đó cần giao con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp. Căn cứ vào các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung Nguyễn Trúc L cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật. Sau khi ly hôn, anh V có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh V thực hiện quyền này. Trường hợp anh V có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2.2] Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị H yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị với mức cấp dưỡng 1.000.000đồng/tháng. Xét yêu cầu về cấp dưỡng và mức cấp dưỡng nuôi con chung của chị H, Hội đồng xét xử thấy: Nghĩa vụ nuôi con chung là thuộc về cha mẹ, tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”. Mặt khác, hiện nay con chung Nguyễn Trúc L đang ở độ tuổi đi học, để con được học tập và phát triển bình thường cũng như nhu cầu thiết yếu của con thì yêu cầu của chị H buộc anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật. Căn cứ khoản 2 Điều 82, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình, buộc anh V phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H, mức cấp dưỡng với số tiền 1.000.000 đồng/tháng từ khi bản án có hiệu lực pháp luật (tháng 3 năm 2025) đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên Tòa là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị Phạm Thị Hồng C án phí ly hôn, anh Nguyễn Văn V chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

[5] Về quyền kháng cáo: đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 8, khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về “Mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Tuyên xử:

1. Xét xử vắng mặt chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Văn V.
2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Phạm Thị H, xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn V.
3. Về quan hệ con chung: Giao con chung Nguyễn Trúc L, sinh ngày 09 tháng 3 năm 2018 cho chị Phạm Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật. Anh Nguyễn Văn V có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh V thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Văn V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Phạm Thị H với số tiền 1.000.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 3 năm 2025 đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, anh V có quyền qua lại thăm con; chị H và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh V trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án. Nếu bên phải thi hành không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền phải thi hành án thì còn phải chịu tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

4. Án phí sơ thẩm: Chị Phạm Thị Hồng C 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003456 ngày 07/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ba Đồn,

tỉnh Quảng Bình. Xác nhận chị H đã nộp đủ. Anh Nguyễn Văn V chịu nộp 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con để sung vào ngân sách Nhà nước.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

6. *Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã Ba Đồn;
- Chi cục THADS thị xã Ba Đồn;
- UBND p. Quảng Phong, tx. Ba Đồn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Anh Đức